

Số: 19 /NQ-HĐND

U Minh Thượng, ngày 16 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thống nhất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn
đầu tư công năm 2024 trên địa bàn huyện U Minh Thượng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP
ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và
hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về việc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-
2025 nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về kế hoạch đầu tư công năm 2023 trên địa
bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 3270/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh
Kiên Giang về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư ngân sách Nhà nước năm 2023
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Đợt I);

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân huyện U Minh Thượng về thống nhất kế hoạch vốn chuyển tiếp
đầu tư công năm 2024, trên địa bàn huyện U Minh Thượng;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân huyện U Minh Thượng về phê duyệt bố trí mới kế hoạch vốn đầu
tư công năm 2024, trên địa bàn huyện U Minh Thượng;

Căn cứ thông báo kết luận số 502-TB/HU ngày 18/9/2023 của Ban
Thường vụ Huyện ủy U Minh Thượng, về kết luận Ban Thường vụ Huyện ủy;

Xét Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân huyện, xin phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn dự án đầu tư



công năm 2024 trên địa bàn huyện U Minh Thượng; Báo cáo thẩm tra số 30/BC-BKT-XH ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thống nhất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn dự án đầu tư công năm 2024 trên địa bàn huyện U Minh Thượng, với nội dung cụ thể như sau:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 49 dự án, số tiền 17.854 triệu đồng.
- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 20 dự án, số tiền 22.330 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện.

2. Thường trực hai ban, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện U Minh Thượng Khóa III, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 12 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư,
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Thường trực HĐND, UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Thắng

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện U Minh Thượng)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành	TMĐT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2024 đã bố trí	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 Sau điều chỉnh	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSNN			Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	TỔNG CỘNG			316.753	316.753	316.753	88.038	22.330	17.854	92.514		
A	KẾ HOẠCH VỐN BỐ TRÍ MỚI			80.695	80.695	80.695	22.099	15.488	-	37.587		
I	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			13.290	13.290	13.290	-	9.600	-	9.600		
1	Trường Mầm non An Minh Bắc GD2	Xã AMB		1.900	1.900	1.900		1.800			1.800	Bố trí mới
2	Trường TH&THCS Minh Thuận 2	Xã MT		6.200	6.200	6.200		4.200			4.200	Bố trí mới
3	Trường TH Minh Thuận 6	Xã MT		4.740	4.740	4.740		3.200			3.200	Bố trí mới
4	Trường Mầm non Hòa Chánh	Xã HC		450	450	450		400			400	Bố trí mới
II	NGÀNH Y TẾ			2.000	2.000	2.000	2.000	-	-	-	2.000	
1	Cải tạo sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Trạm Y Tế xã Thạnh Yên	Xã TY		1.000	1.000	1.000	1.000				1.000	
2	Cải tạo sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Trạm Y Tế xã An Minh Bắc	Xã AMB		1.000	1.000	1.000	1.000				1.000	
III	VĂN HÓA - TTDL			350	350	350	-	300	-	-	300	
1	Cải tạo sửa chữa Nhà thi đấu thể thao huyện	Xã AMB		350	350	350		300			300	Bố trí mới
IV	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			14.282	14.282	14.282	8.778	3.704	-	-	12.482	
2	Cải tạo sửa chữa Trụ sở làm việc phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	Xã AMB		900	900	900		800			800	Bố trí mới

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành	TMBT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2024 đã bố trí	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 Sau điều chỉnh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
3	Trụ sở làm việc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã AMB		4.604	4.604	4.604		2.904		2.904	Bố trí mới	
4	Trụ sở Khối Văn xã Thanh Yên A	Xã TYA		3.000	3.000	3.000	3.000			3.000		
5	Hội trường UBND xã Thanh Yên A	Xã TYA		1.382	1.382	1.382	1.382			1.382		
6	Trụ sở UBND xã Vĩnh Hòa	Xã VH		1.896	1.896	1.896	1.896			1.896		
7	Hội trường UBND xã Vĩnh Hòa	Xã VH		1.000	1.000	1.000	1.000			1.000		
8	Trụ sở UBND xã, Nhà ăn xã Thanh Yên	Xã TY		1.500	1.500	1.500	1.500			1.500		
V	GIAO THÔNG NÔNG THÔN			25.673	25.673	25.673	6.321	1.884	-	8.205		
1	Cầu + Đường Kênh 11 B + Đường 800 (Minh Thành + Minh Thượng B) xã Minh Thuận	Xã MT		8.838	8.838	8.838	3.838			3.838		
2	Đường Kênh Làng ấp Công Sứ, xã An Minh Bắc	Xã AMB		2.483	2.483	2.483	2.483			2.483		
3	Đường Kênh Thầy Quon - Ấp Khôn	Xã HC	2306; 28/9/2018	14.352	14.352	14.352		1.884		1.884	Trả nợ	
VI	Hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công với cách mạng	UMT		25.100	25.100	25.100	5.000			5.000		
B	KẾ HOẠCH VỐN CHUYỂN TIẾP			236.058	236.058	236.058	65.939	6.842	17.854	54.927		
I	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			128.311	128.311	128.311	44.977	4.138	9.313	39.802		
1	Trường Mầm non An Minh Bắc	Xã AMB	3257; 29/10/2020	1.500	1.500	1.500	164		164	-	Điều chỉnh	
2	Trường Mầm non Vĩnh Hòa	Xã VH	3254 (29/10/2020)	1.500	1.500	1.500	157		157	-	Điều chỉnh	
3	Trường TH Thanh Yên 2	Xã TY	4486; 15/12/2022	9.320	9.320	9.320	6.320		1.043	5.277	Điều chỉnh	
4	Trường TH&THCS An Minh Bắc 3	Xã AMB	3256; 29/10/2020	14.750	14.750	14.750	1.668		1.668	-	Điều chỉnh	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành	TMĐT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025		Kế hoạch vốn năm 2024 đã bố trí	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 Sau điều chỉnh	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSNN		Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5	Trường TH&THCS Minh Thuận 6	Xã MT	3258; 29/10/2020	12.000	12.000	12.000	3.361		788	2.573	Điều chỉnh
6	Trường THCS An Minh Bắc	Xã AMB	3255; 29/10/2020	12.500	12.500	12.500	1.716		1.716	-	Điều chỉnh
7	Trường TH&THCS Hòa Chánh 3	Xã HC	4561; 31/12/2020	6.000	6.000	6.000	1.350		1.350	-	Điều chỉnh
8	Trường TH Hòa Chánh 1	Xã HC	3259; 29/10/2021	11.475	11.475	11.475	3.975		1.280	2.695	Điều chỉnh
9	Trường TH Vĩnh Hòa 1	Xã VH	4484; 15/12/2022	8.475	8.475	8.475	4.475			4.475	
10	Trường TH&THCS Minh Thuận 4	Xã MT	5210; 29/10/2021	15.000	15.000	15.000	4.000		679	3.321	Điều chỉnh
11	Trường TH Minh Thuận 5	Xã MT	4483; 15/12/2022	10.000	10.000	10.000	4.900		468	4.432	Điều chỉnh
12	Trường Mầm non Hoa Mai	Xã TY	4487; 15/12/2022	9.000	9.000	9.000	4.735	1.700		6.435	Điều chỉnh
13	Trường TH An Minh Bắc 1	Xã AMB		11.838	11.838	11.838	6.126	1.850		7.976	Điều chỉnh
14	Trường Mầm non Minh Thuận 1	Xã MT	4485; 15/12/2022	4.953	4.953	4.953	2.030	588		2.618	Điều chỉnh
II	NGÀNH Y TẾ			4.000	4.000	4.000	1.300	-	913	387	
1	Trạm y tế xã Thạnh Yên A	Xã TYA	4488; 15/12/2022	1.000	1.000	1.000	250		179	71	Điều chỉnh
2	Trạm Y Tế xã Vĩnh Hòa	Xã VH	4491; 15/12/2022	1.000	1.000	1.000	600		495	105	Điều chỉnh
3	Trạm Y Tế xã Hòa Chánh	Xã HC	4489; 15/12/2022	1.000	1.000	1.000	250		143	107	Điều chỉnh
4	Trạm Y Tế xã Minh Thuận	Xã MT	4490; 15/12/2022	1.000	1.000	1.000	200		96	104	Điều chỉnh
III	VĂN HÓA - TTDL			12.348	12.348	12.348	1.047	-	1.047	-	
1	Nhà làm việc, cổng, hàng rào Đài Truyền Thanh huyện UMT	Xã AMB	3399; 30/10/2020	793	793	793	29		29	-	Điều chỉnh
2	Trung tâm văn hóa xã Hòa Chánh (ấp Vĩnh Hiệp)	Xã HC	3417; 30/10/2020	3.059	3.059	3.059	439		439	-	Điều chỉnh
3	Trung tâm văn hóa xã Minh Thuận	Xã MT	3261; 29/10/2020	3.581	3.581	3.581	126		126	-	Điều chỉnh
4	Trung tâm văn hóa xã An Minh Bắc	Xã AMB	3360; 29/10/2020	4.915	4.915	4.915	453		453	-	Điều chỉnh
IV	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			36.145	36.145	36.145	5.716	406	3.486	2.636	
1	Xây dựng mới hệ thống cấp nước ngoài nhà	Xã AMB	3314; 30/10/2020	2.000	2.000	2.000	800	200		1.000	Điều chỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành	TMĐT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2024 đã bố trí	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 Sau điều chỉnh	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSNN	Tăng		Giảm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
2	Nhà ăn Khối Vận huyện UMT	Xã AMB	1707; 14/6/2021	674	674	674	33		33	-	Điều chỉnh	
3	Nhà ăn UBND huyện UMT	Xã AMB	3390; 30/10/2020	3.985	3.985	3.985	239		239	-	Điều chỉnh	
4	Hàng rào, sân nền Khối Vận Huyện Ủy	Xã AMB	3340; 30/10/2020	981	981	981	16		16	-	Điều chỉnh	
5	Hệ thống thoát nước Khu trung tâm hành chính huyện	Xã AMB	3314; 30/10/2020	676	676	676	67		67	-	Điều chỉnh	
6	Hàng rào phòng Nông nghiệp và PTNN	Xã AMB	3399 (30/10/2020)	510	510	510	69		69	-	Điều chỉnh	
7	Nhà lưu trữ UBND huyện UMT	Xã AMB	3360 (29/10/2020)	6.000	6.000	6.000	998		998	-	Điều chỉnh	
8	Trụ sở tiếp nhận và trả kết quả các TTHC UBND huyện UMT	Xã AMB	3394; 30/10/2020	3.000	3.000	3.000	192		192	-	Điều chỉnh	
9	Trụ sở Khối Vận xã Minh Thuận	Xã MT	3417 (30/10/2020)	2.470	2.470	2.470	427		427	-	Điều chỉnh	
10	Khối vận xã Hoà Chánh	Xã HC	3406; 30/10/2020	486	486	486	25		25	-	Điều chỉnh	
11	Trụ sở UBND xã Hòa Chánh	Xã HC	5215 (29/10/2021)	1.063	1.063	1.063	59		59	-	Điều chỉnh	
12	Khối vận xã Thanh Yên	Xã TY	4492 (15/12/2022)	3.000	3.000	3.000	1.000	198		1.198	Điều chỉnh	
13	Sân nền UBND xã Thanh Yên	Xã TY	3402 (30/10/2020)	594	594	594	179		179	-	Điều chỉnh	
14	Bờ Kè trước UBND xã Thanh Yên A	Xã TYA	3390 (30/10/2020)	909	909	909	256		256	-	Điều chỉnh	
15	Trụ sở UBND xã Thanh Yên A	Xã TYA	3400 (30/10/2020)	1.149	1.149	1.149	185		185	-	Điều chỉnh	
16	Trụ sở Khối Vận xã An Minh Bắc	Xã AMB	3414 (30/10/2020)	1.320	1.320	1.320	173		173	-	Điều chỉnh	
17	Trụ sở Khối Đoàn thể xã Vĩnh Hòa	Xã VH	4495 (15/12/2022)	700	700	700	230		120	110	Điều chỉnh	
18	Hội Trường xã Minh Thuận	Xã MT	3416 (30/10/2020)	3.076	3.076	3.076	228		228	-	Điều chỉnh	
19	Trụ sở Ban Chi Huy Quân Sự xã Thanh Yên	Xã TY	3401 (30/10/2020)	167	167	167	20		20	-	Điều chỉnh	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành	TMBT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2024 đã bố trí	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 Sau điều chỉnh	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSNN			Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
20	Trụ sở Ban Chỉ Huy Quân Sự xã Thạnh Yên A	Xã TYA	3405; 30/10/2020	385	385	385	73			73	-	Điều chỉnh
21	Sân nền, hàng rào UBND xã Hòa Chánh	Xã HC	3260 (30/10/2020)	1.000	1.000	1.000	97			97	-	Điều chỉnh
22	Nhà ấn UBND xã Thạnh Yên A	Xã TYA	4493 (15/12/2022)	1.000	1.000	1.000	100	8			108	Điều chỉnh
23	Nhà xe Huyện ủy	Xã AMB	4494 (15/12/2022)	500	500	500	100				100	
24	Sân nền nhà ăn + Nhà xe UBND huyện	Xã AMB	4497 (15/12/2022)	500	500	500	150		30		120	Điều chỉnh
V	GAO THÔNG NÔNG THÔN			55.254	55.254	55.254	12.899	2.298	3.095	12.102		
1	Đường kênh Thông Hòa bờ B, xã Hoà Chánh	Xã HC	5211 (29/10/2021)	2.153	2.153	2.153	83			83	-	Điều chỉnh
2	Đường kênh Đất Gò 1 bờ B, xã Hoà Chánh	Xã HC	3410 (30/10/2020)	816	816	816	1			1	-	Điều chỉnh
3	Đường kênh Dân Quân - ấp Dân Quân, xã Hoà Chánh	Xã HC	4501B; 15/12/2022	3.144	3.144	3.144	1.344			945	399	Điều chỉnh
4	Cầu Chín Soạn, xã Hoà Chánh	Xã HC	3388 (30/10/2020)	695	695	695	1			1	-	Điều chỉnh
5	Đường Kênh Làng - Ba Hón Kiểm Lâm (Mình Tân A) xã Minh Thuận	Xã MT	938; 11/5/2023	2.250	2.250	2.250	305	144			449	Điều chỉnh
6	Cầu + Đường Kênh Lò Gạch (Mình Tiến A) xã Minh Thuận	Xã MT	3391 (30/10/2020)	2.412	2.412	2.412	267		267		-	Điều chỉnh
7	Cầu + Đường Kênh Đất Cáp bờ tây (Mình Cường + Minh Cường A + Minh Tân) xã Minh Thuận	Xã MT	942; 11/5/2023	6.840	6.840	6.840	3.680	1.419			5.099	Điều chỉnh
8	Đường Kênh 9 A (ấp Minh Kiên), xã Minh Thuận	Xã MT	4498 (15/12/2022)	5.400	5.400	5.400	1.100			65	1.035	Điều chỉnh
9	Đường kênh 19 (Bờ nam) ấp An Thạnh, xã An, Minh Bắc	Xã AMB	4499 (15/12/2022)	3.360	3.360	3.360	1.360			503	857	Điều chỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2024 đã bố trí	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 Sau điều chỉnh	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSNN			Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
10	Đường Kênh Làng ấp Minh Trung, xã An Minh Bắc	Xã AMB	5208 (29/10/2021)	3.143	3.143	3.143	66			66	-	Điều chỉnh
11	Đường Kênh Làng ấp Kênh Tư, xã An Minh Bắc	Xã AMB	940; 11/5/2023	4.950	4.950	4.950	1.123			773	350	Điều chỉnh
12	Đường Kênh Cây Dong (Bờ Đông), xã Thanh Yên	Xã TY	5213 (29/10/2021)	2.738	2.738	2.738	338			338	-	Điều chỉnh
13	Đường Kênh 12 A (Minh Thượng B) xã Minh Thuận	Xã MT	5214 (29/10/2021)	5.967	5.967	5.967	1.632				1.632	
14	Đường Kênh ấp Khan (nhà ông Huỳnh Văn Tám, QL 63, ấp Vĩnh Thành) xã Vĩnh Hoà	Xã VH	4501 (15/12/2022)	840	840	840	140			53	87	Điều chỉnh
15	Đường Lưng Cò Bạch (Minh Cường A) xã Minh Thuận	Xã MT	937; 11/5/2023	2.600	2.600	2.600	320	279			599	Điều chỉnh
16	Đường Kênh Đường Nhum - Hòa Vàm Thạnh Yên A	Xã TYA	939; 11/5/2023	3.397	3.397	3.397	479	266			745	Điều chỉnh
17	Đường Kênh Hậu Lắm	Xã HC	941; 11/5/2023	4.160	4.160	4.160	660	188			848	Điều chỉnh
18	Cầu Kênh Tư Chôm Mả, xã Thanh Yên	Xã TY	3352; 29/10/2020	389	389	389		2			2	Điều chỉnh